

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về gói thầu:

- Tên gói thầu: Bảo dưỡng, bảo trì thang máy năm 2025-2026 tại Bệnh viện Đa khoa Hải Dương.
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Hải Dương.
- Nguồn vốn: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước qua mạng đấu thầu quốc gia.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 tháng.

2. Yêu cầu về kỹ thuật:

- Khối lượng dịch vụ cung cấp:

STT	Tên thang máy	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Thang máy Mitsubishi (Nhà Truyền Nhiễm) - Năm lắp đặt: 2015 - Thời gian đưa vào sử dụng: 2016 - Tình trạng hiện tại: Đang hoạt động - Model: MR/1350 kg	Tải trọng: 1350 kg, có 04 điểm dừng. - Vận tốc: 1,00 m/s	Cái	02
2	Thang máy Fuji (Nhà A) - Năm lắp đặt: 2008 - Thời gian đưa vào sử dụng: 2009 - Tình trạng hiện tại: Đang hoạt động - Model: FB 20/1350 kg	Tải trọng: 1350kg, Có 6 điểm dừng - Vận tốc: 1,00 m/s	Cái	03
3	Thang máy Sanyo (Nhà B) - Năm lắp đặt: 2010 - Thời gian đưa vào sử dụng: 2014 - Tình trạng hiện tại: Đang hoạt động - Model: Sanoy 1350 kg	Tải trọng: 1350 kg, có 9 điểm dừng - Vận tốc: 1,00 m/s	Cái	02
		Tải trọng: 1000 kg, có 8 điểm dừng - Vận tốc: 1,00 m/s	Cái	02
4	Thang máy Fuji (Nhà C) - Năm lắp đặt: 2009 - Thời gian đưa vào sử dụng: 2010 - Tình trạng hiện tại: Đang hoạt động - Model: MB 20/1350 kg	Tải trọng: 1350kg, Có 6 điểm dừng - Vận tốc: 1,00 m/s	Cái	03
5	Thang máy Sanyo (Nhà D) - Năm lắp đặt: 2012 - Thời gian đưa vào sử dụng: 2013 - Tình trạng hiện tại: Đang hoạt động - Model: Sanoy 1350 kg	Tải trọng: 1350kg, Có 6 điểm dừng - Vận tốc: 1,00 m/s	Cái	02
Tổng thang				14

- Dịch vụ cung cấp phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu như sau:

TT	Nội dung bảo trì bảo dưỡng	Số lượng thang máy	Số tháng thực hiện	Tổng cộng
A	Kiểm tra và làm vệ sinh buồng máy			
1	Điện áp nguồn vào, các thiết bị đóng ngắt điện nguồn	14	15	210
2	Các thiết bị điện trong tủ điều khiển: Áp tô mát, rơ le, quạt	14	15	210
3	Tình trạng biến tần, các bo mạch...trong tủ điều khiển	14	15	210
4	Xiết lại các vít kẹp đầu dây điện với thiết bị và cầu đấu	14	15	210
5	Chế độ nạp điện và hoạt động của bộ cứu hộ	14	15	210
6	Kiểm tra sự làm việc của má phanh trái của động cơ	14	15	210
7	Kiểm tra sự làm việc của má phanh phải của động cơ	14	15	210
8	Kiểm tra, điều chỉnh khe hở má phanh khi không làm việc	14	15	210
9	Tình trạng chất lượng, mức dầu trong hộp giảm tốc	14	15	210
10	Độ kín khít dầu của cổ trục	14	15	210
11	Tình trạng cáp thép và các pully	14	15	210
12	Bộ hạn chế tốc độ, cáp thép, lẫy cơ, công tắc điện	14	15	210
13	Nhiệt độ, độ ẩm, mức độ thông thoáng của buồng thang	14	15	210
14	Kiểm tra mặt sàng phòng máy và vệ sinh	14	15	210
B	Kiểm tra giếng thang và phía trên cabin			
1	Các công tắc hạn chế hành trình trên	14	15	210
2	Liên kết giữa công tắc với giá đỡ, giá đỡ với ray	14	15	210
3	Liên kết ray với gối đỡ, gối đỡ với vách	14	15	210
4	Các bu lông lắp ở chỗ nối ray	14	15	210
5	Đầu treo cáp cabin, đầu treo cáp đối trọng, êcu khóa cáp	14	15	210
6	Độ căng đồng đều của cáp thép	14	15	210
7	Liên kết cờ dừng tầng và gá, gá và ray	14	15	210
8	Số lượng, chất lượng dầu trong hộp ray cabin, đối trọng	14	15	210
9	Guốc trượt trên của cabin	14	15	210
10	Guốc trượt trên của đối trọng	14	15	210
11	Các đệm cao su chống rung, lắc cabin	14	15	210
12	Quạt thông gió đặt trên nóc cabin	14	15	210
13	Đèn chiếu sáng dọc giếng thang	14	15	210
14	Tiếp điểm điện của các cửa tầng	14	15	210
15	Cáp điện dọc giếng thang gọn gàng	14	15	210
16	Bộ truyền động của tầng: Cáp, bánh xe...	14	15	210
17	Bộ truyền động cửa cabin: Biến tần, bánh xe, tiếp điểm	14	15	210
C	Kiểm tra đáy giếng thang và phí dưới Cabin			
1	Các công tắc hạn chế hành trình dưới	14	15	210
2	Liên kết giữ công tắc với giá đỡ, giá đỡ với ray	14	15	210
3	Kiểm tra sự làm việc của má phanh cơ khí ở dưới cabin	14	15	210
4	Guốc trượt dưới của cabin	14	15	210
5	Guốc trượt dưới của đối trọng	14	15	210
6	Chỗ treo và cố định cáp dẹt	14	15	210
7	Công tắc bộ giảm chấn, xiết lại các vít	14	15	210

TT	Nội dung bảo trì bảo dưỡng	Số lượng thang máy	Số tháng thực hiện	Tổng cộng
8	Công tắc và bộ gá công tắc quá tải, xiết lại các vít	14	15	210
9	Công tắc bộ căng cáp hạn chế hành trình, xiết lại các vít	14	15	210
10	Công tắc, ổ cắm, đèn ở đáy giếng thang	14	15	210
11	Vệ sinh hộp chứa dầu thừa ở đáy giếng thang	14	15	210
12	Vệ sinh đáy giếng thang khô ráo, sạch sẽ	14	15	210
D	Kiểm tra và bảo dưỡng trong Cabin			
1	Đèn chiếu sáng	14	15	210
2	Điện thoại nội bộ	14	15	210
3	Chuông cứu hộ	14	15	210
4	Bảng điều khiển trong cabin	14	15	210
5	Rãnh hướng dẫn cửa cabin	14	15	210
6	Sensor an toàn cửa Cabin	14	15	210
7	Khe hở cửa và độ thẳng đứng của cửa cabin	14	15	210
E	Kiểm tra và bảo dưỡng ngoài cửa tầng			
1	Bảng điều khiển ở các tầng	14	15	210
2	Rãnh dẫn hướng cửa tầng ở các tầng	14	15	210
3	Khe hở cửa tầng và độ thẳng đứng của các cửa tầng	14	15	210
4	Khóa cửa tầng ở các tầng	14	15	210
F	Chạy thử thang máy để kiểm tra lần cuối	14	15	210

Kết quả đạt được sau khi bảo dưỡng, bảo trì:

- Hoạt động ổn định và hiệu quả: Thiết bị phải hoạt động trơn tru, liên tục, không bị gián đoạn bất thường.
- Duy trì hoặc nâng cao hiệu suất: Đảm bảo thiết bị hoạt động với hiệu suất cao nhất có thể sau khi bảo trì, bảo dưỡng.
- Kéo dài tuổi thọ thiết bị: Công việc bảo trì và bảo dưỡng giúp kéo dài tuổi thọ của thiết bị, giảm thiểu hư hỏng không cần thiết.
- Đảm bảo an toàn: Giảm thiểu nguy cơ tai nạn hoặc sự cố liên quan đến việc sử dụng thiết bị.

3. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch tổ chức triển khai, thực hiện;